TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 7 - 2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Lợi

Ông Ngô Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐST ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1981. Địa chỉ: Xóm 6, xã N, thành phố v, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hương Gi, sinh năm 1980. Địa chỉ: Gimposi, tongjin-eub, Golinhi 70-3 ju, Jinseon – H. Nơi ĐKHKTT: Khối H, phường H, thị xã L, tỉnh Nghệ An. Đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Võ Th, sinh năm 1953. Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1954 (Vợ ông Th). Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thành: Bà Trần Thị H , sinh năm 1954. Có mặt.

Ông Thành, bà H (Bố mẹ chị Gi) đều trú tại: Khối A, phường B, thị xã c, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 15/4/2019, lời khai và tại phiên tòa Anh Trần Văn D trình bày: Anh Dvà Chị Nguyễn Thị Hương Gi kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2010 Anh Dxuất cảnh đi Đài Loan lao động thì hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do thiếu hòa hợp. Năm 2012 chị Gi làm thủ tục đi Hàn Quốc, đến năm 2016 Anh Dvề nước và hai người cắt đứt mọi quan hệ không quan tâm đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay nhận thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên Anh Dyêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn Chị Nguyễn Thị Hương Gi.

- Về con chung: Anh Dvà Chị Nguyễn Thị Hương Gi có một con chung là cháu Trần Thị Hà V , sinh ngày 10/11/2008, hiện cháu Hà V đang do vợ chồng ông Th , bà H là bố mẹ chị Gi và là ông bà ngoại cháu quản lý chăm sóc. Nếu ly hôn Anh Dđồng ý để cháu cho chị Gi nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, Anh Dsẽ có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía Chị Nguyễn Thị Hương Gi: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Chị Nguyễn Thị Hương Gi đã biết được Anh Trần Văn D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và giải quyết các vấn đề liên quan gửi tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Tại Bản tự khai đề ngày 03/6/2019 Chị Nguyễn Thị Hương Gi đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án mà Anh Trần Văn D xin ly hôn như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hương Gi thừa nhận, điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn; Mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như Anh Trần Văn D trình bày, nay Anh Dyêu cầu ly hôn, chị Gi đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Trần Thị Hà V , sinh ngày 10/11/2008, hiện cháu Hà V đang do vợ chồng ông Th , bà H là bố mẹ chị Gi và là ông bà ngoại cháu quản lý chăm sóc. Nếu ly hôn chị Gi xin được nuôi dưỡng cháu và nhờ ông Th , bà H bố mẹ chị quản lý cháu trong thời gian chị đi vắng. Về cấp dưỡng; chị Gi yêu cầu Anh Dcấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Hương Gi hiện đang ở nước ngoài, điều kiện khó khăn, nên không thể trực tiếp về tham gia hòa giải, giải quyết vụ án được, nên chị Gi đề nghị

Toà án giải quyết xử vắng mặt và nhờ bà Trần Thị H là mẹ chị Gi giao, nhận các loại văn bản của Tòa án cho chị.

Bà Trần Thị H và là người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Võ Thành (Chồng bà H) trình bày: Bà H và ông Th (Ông bà ngoại cháu) là người được chị Gi nhờ trực tiếp quản lý cháu Trần Thị Hà V con chung của vợ chồng chị Gi, Anh Dtrong thời gian từ khi chị Gi đi nước ngoài đến nay. Nay vợ chồng ly hôn ông Th , bà H không yêu cầu vợ chồng anh D , chị Gi phải thanh toán các khoản chi phí mà ông, bà đã chăm sóc cháu và đề nghị Tòa án giao cháu Hà V cho chị Gi nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giao cháu Hà V cho chị Gi nuôi dưỡng ông, bà cam kết sẽ quản lý, chăm sóc cháu chu đáo trong thời gian chị Gi đi vắng. Bà H , ông Th đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Cháu Trần Thị Hà V trình bày: Cháu là con của mẹ Gi bố D , trong thời gian bố mẹ cháu ở nước ngoài và nay bố đã về nước, nhưng từ trước đến nay cháu được ông bà ngoại là người quản lý cháu rất chu đáo. Nay, nếu bố mẹ ly hôn nhau, nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ và ông bà ngoại để ổn định điều kiện học tập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hương Gi hiện đang ở nước ngoài không thể về nước để hoà giải và trực tiếp tham gia phiên toà được. Ngày 03/6/2019 chị Gi đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 207; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc trường hợp không thể hoà giải được và Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Gi theo quy định.

Về nội dung: Tại phiên tòa, Anh Trần Văn D giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu được ly hôn Chị Nguyễn Thị Hương Gi và đồng ý giao con chung cho chị Gi nuôi dưỡng. Xét thấy; Anh Trần Văn D và Chị Nguyễn Thị Hương Gi kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2010 Anh Dxuất cảnh đi Đài Loan lao động thì hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do thiếu hòa hợp. Năm 2012 chị Gi làm thủ tục đi Hàn Quốc, đến năm 2016 Anh Dvề nước và hai người cắt đứt mọi quan hệ không quan tâm đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay cả chị Gi và Anh Dđều xác định, tình cảm vợ chồng không còn và hai người thống nhất ly hôn, nên cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho họ ly hôn nhau.

Về con chung: Anh Trần Văn D và Chị Nguyễn Thị Hương Gi có một con chung là cháu Trần Thị Hà Vân, sinh ngày 10/11/2008, nay ly hôn cả Anh Dvà chị Gi đồng thống nhất giao con chung cho chị Gi nuôi dưỡng. Xét sự thống nhất giữa chị Gi và Anh Dvề việc giao con chưa thành niên cho chị Gi nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Hơn nữa mặc dù chị Gi hiện đang ở nước ngoài, nhưng từ trước đến nay cháu Hà Vân được chị Gi nhờ ông Thành, bà Hồng (Bố mẹ chị Gi) quản lý chăm sóc. Và hiện ông Th , bà H cam kết tiếp tục quản lý chăm sóc cháu chu đáo cho đến khi chị Gi về nước, do đó cần giao cháu cho chị Gi nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Hương Gi yêu cầu Anh Dcấp dưỡng nuôi con chung mỗi thàng 1.500.000 đồng được Anh Dchấp nhận. Do đó Anh Dcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Gi mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu Hà V đủ 18 tuổi trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị Gi và Anh Dđều xác định, vợ chồng không có tài sản chung; không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về việc quản lý, chăm sóc con chung: Vợ chồng bà Trần Thị H và ông Nguyễn Võ Th là người trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Trần Thị Hà V trong thời gian từ khi chị Gi đi nước ngoài đến nay. Tuy nhiên vợ chồng bà H , ông Th không yêu cầu vợ chồng anh D chị Gi phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc cháu Hà V và tự nguyện cam kết chăm sóc quản lý cháu Hà V trong thời gian chị Gi chưa về nước, nên cần chấp nhận.

Về án phí: Anh Trần Văn D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 53, 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 207; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Anh Trần Văn D và Chị Nguyễn Thị Hương Gi.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trần Thị Hà V , sinh ngày 10/11/2008 cho Chị Nguyễn Thị Hương Gi nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của vợ chồng bà Trần Thị H và ông Nguyễn Võ Th nhận trách nhiệm quản lý, chăm sóc cháu Trần Thị Hà V trong thời gian chị Gi chưa về nước.

2.2. Anh Trần Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Nguyễn Thị Hương Gi mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn), thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 07/2019 cho đến khi cháu Hà V đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Trần Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hương Gi và Anh Trần Văn D đều thống nhất, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0003919 ngày 23/5/2019 (Còn phải nộp 300.000đ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Anh Trần Văn D và bà Trần Thị H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5.2. Ông Nguyễn Võ Th vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm.

5.3. Chị Nguyễn Thị Hương Gi đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA.

Phạm Văn Phấn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã A,
- Lưu hồ sơ vụ án.